

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1037/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 6 năm 2009

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở  
theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT-BXD-BTC-BKHĐT-BNNPTNT-NHNN của Liên Bộ Xây dựng - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nông nghiệp - Phát triển nông thôn - Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở;

Căn cứ Công văn số 2561/BXD-QLN ngày 23/12/2008 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở;

Căn cứ Công văn số 25/BXD-QLN ngày 17/2/2009 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở tại 61 huyện nghèo;

Căn cứ Công văn số 340/BXD-QLN ngày 10/3/2009 về việc hướng dẫn bổ sung việc xây dựng Đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở để thực hiện Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 576/BXD-QLN ngày 07/4/2009 về việc đôn đốc các tỉnh khẩn trương hoàn thiện Đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở thực hiện Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 537/TTr-SXD ngày 26/6/2009 về việc xin thẩm định và phê duyệt Đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (có Đề án kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư,

Tài chính, Ban Dân tộc, UBND các huyện và Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh Quảng Ngãi triển khai thực hiện Đề án nêu trên đạt kết quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp - Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi; Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện và Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐỀ ÁN**

### **Hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

*(Kèm theo Quyết định số: 1037/QĐ-UBND ngày 29/6/2009  
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

#### **I. MỞ ĐẦU:**

**1. Khái quát những đặc điểm nổi bật của tỉnh Quảng Ngãi** và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong những năm gần đây; tình hình thực hiện các chính sách xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, trong đó tình hình triển khai thực hiện việc hỗ trợ các hộ nghèo về nhà ở:

*a. Khái quát những đặc điểm nổi bật của tỉnh và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong những năm gần đây:*

Quảng Ngãi là một trong những tỉnh nghèo ở vùng duyên hải miền Trung, là nơi thường xuyên xảy ra thiên tai bão lụt hàng năm nên đời sống của nhân dân trong tỉnh còn nhiều khó khăn. Những năm gần đây, được sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương và của tỉnh thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cộng với sự hình thành và phát triển của Khu kinh tế Dung Quất đã góp phần đáng kể trong việc tăng trưởng kinh tế của tỉnh, nâng cao đời sống của nhân dân.

*b. Tình hình thực hiện các chính sách xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, trong đó tình hình triển khai thực hiện việc hỗ trợ các hộ nghèo về nhà ở:*

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo, tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng Chương trình mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch giảm nghèo hàng năm, các hộ nghèo được hưởng các chính sách hỗ trợ về tín dụng, nhà ở, giáo dục, y tế, trợ giúp pháp lý..., từ đó tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn đã giảm đáng kể trong những năm vừa qua.

Tuy nhiên, do phần lớn các hộ nghèo trong tỉnh chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trình độ sản xuất còn thấp, chưa có điều kiện ứng dụng khoa học kỹ thuật nhiều vào sản xuất nên năng suất chưa cao nên các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong việc cải thiện đời sống, nhà cửa chưa được xây dựng kiên cố, lại thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, do đó các hộ nghèo vẫn chưa có điều kiện thoát nghèo, thậm chí có nguy cơ tái nghèo cao.

#### **2. Sự cần thiết của Đề án:**

- Xóa đói giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị và là chính sách xã hội cơ bản mang tính nhân văn sâu sắc, là chương trình, mục tiêu để thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng và của Nhà nước.

- Trong thời gian qua, mặc dù Trung ương và tỉnh đã có nhiều hỗ trợ cho việc cải thiện nhà ở cho người nghèo, nhưng thực tế số lượng hộ nghèo đang khó khăn về nhà ở trong tỉnh còn khá lớn, do chưa có một cơ chế, chính sách riêng tập trung cho việc hỗ trợ về nhà ở cho người nghèo. Để giải quyết tốt chính sách xã hội nói trên cần thiết phải xây dựng đề án để huy động nguồn lực của các cấp, các ngành, của cộng đồng, của từng gia đình, nhằm tập trung hỗ trợ về nhà ở cho các hộ nghèo.

- Ngoài ra, do tác động của kinh tế thị trường, thiên tai, dịch bệnh nên ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người nông dân làm phát sinh thêm nhiều hộ nghèo mới và phần lớn các hộ nghèo thuộc đối tượng nói trên đang gặp rất nhiều khó khăn về nhà ở, cần có sự quan tâm hỗ trợ kịp thời.

- Nhằm hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho các hộ gia đình nghèo chưa có nhà ở ổn định hoặc có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sụp đổ nhưng không có khả năng tự cải thiện nhà ở để các gia đình có điều kiện ổn định chỗ ở, tạo điều kiện cho hộ nghèo an tâm phát triển kinh tế, từng bước nâng cao mức sống, góp phần giảm nghèo bền vững.

Để đáp ứng được nhu cầu bức xúc nêu trên, cần thiết phải có đề án hỗ trợ về nhà ở cho các hộ nghèo chưa có nhà ở, đất ở hoặc có nhà ở tạm bợ không còn sử dụng.

## **II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NHÀ Ở VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỘ NGHÈO VỀ NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH:**

### **1. Nhận xét, đánh giá thực trạng nhà ở của các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh:**

#### *a) Về số lượng nhà ở:*

Theo điều tra thống kê của ngành Lao động thương binh và xã hội thì số lượng hộ nghèo đến cuối năm 2008 là 60.836 hộ (chiếm tỷ lệ 21%).

#### *b) Về chất lượng nhà ở:*

Qua khảo sát thực trạng của các hộ nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với khu vực nông thôn, hầu hết các căn hộ đều làm bằng vật liệu thô sơ, cây gỗ tạm bợ, tranh tre nứa lá; diện tích nhỏ hẹp, thời gian sử dụng ngắn, thường xuyên hư hỏng, thấm dột, không đảm bảo chất lượng sử dụng, có nhiều hộ nhà ở hư hỏng nặng, phải chống đỡ sử dụng tạm thời, nhưng chưa có điều kiện để xây dựng sửa chữa lại.

#### *c) Về điều kiện sống của các hộ nghèo khó khăn về nhà ở:*

Ở khu vực nông thôn, các hộ nghèo khó khăn về nhà ở nằm xen lẫn rải rác trong khu dân cư, tuyến dân cư; nhiều hộ do điều kiện phải sinh sống tạm bợ trên các phần đất nông nghiệp cách xa khu dân cư phần lớn chưa có hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ, thiếu hệ thống giao thông, hầu hết sử dụng nguồn nước mặt từ các sông hồ hoặc sử dụng nước mưa; việc thoát nước và rác thải cũng chưa được xử lý, thiếu nhà vệ sinh, ở xa các trường học, trạm y tế nên đời sống gặp rất nhiều khó khăn.

Nhìn chung, thực trạng nhà ở của nhân dân trên toàn tỉnh những năm gần đây có những chuyển biến tích cực, một phần là nhờ các chính sách hỗ trợ của Đảng và Nhà nước cũng như của tỉnh nhà, một phần là nhờ Nhà máy lọc dầu thuộc Khu kinh tế Dung Quất thu hút các nhà đầu tư vào đầu tư trên địa bàn tỉnh dẫn đến chuyển biến

tích cực cho sự phát triển kinh tế, hạ tầng, dịch vụ của tỉnh nhà, nâng cao đời sống của nhân dân trong tỉnh. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh vẫn còn tồn tại một số lượng lớn các hộ nghèo không có khả năng tự cải thiện nhà ở, cụ thể:

- Về số lượng hộ nghèo cần được hỗ trợ để cải thiện nhà ở: **12.744 hộ**;

- Về chất lượng nhà ở: do thường xuyên phải chịu thiên tai, bão lụt nên nhiều hộ gia đình phải sống trong những ngôi nhà rất tạm bợ, dột nát và dễ có nguy cơ sụp đổ khi mùa mưa bão đến;

- Phần lớn nơi ở của các hộ nghèo thường có kết cấu hạ tầng, dịch vụ phục vụ đời sống rất kém, các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội thiếu thốn, điều kiện vệ sinh môi trường không đảm bảo dẫn đến các hộ này rất khó khăn trong việc sinh hoạt, ổn định cuộc sống.

## **2. Các chính sách hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở do Nhà nước ban hành đang thực hiện tại địa bàn tỉnh:**

Những năm gần đây, nhờ có sự quan tâm tích cực của Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành liên quan cũng như tỉnh nhà trong việc hỗ trợ ổn định cuộc sống cho các hộ nghèo như thực hiện chính sách theo Quyết định 134, Nghị quyết số 30a, chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, chương trình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006 - 2010 và một số chương trình khác. Nhờ đó, một số lượng lớn các hộ nghèo đã được cải thiện về nhà ở cũng như đời sống, có điều kiện phát triển kinh tế ổn định. Tuy nhiên, hiện vẫn còn tồn tại một số lượng lớn hộ nghèo trước đây chưa được hỗ trợ theo các chính sách đã nêu trên đang cần có nhu cầu hỗ trợ để cải thiện nhà ở cộng với việc phát sinh một số hộ nghèo mới cũng như tái nghèo dẫn đến ảnh hưởng lớn tới mục tiêu giảm nghèo của tỉnh.

## **3. Nhận xét, đánh giá về các chính sách hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở:**

### *a) Về ưu điểm:*

+ Trung ương đã kịp thời ban hành hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ hộ nghèo, trên cơ sở đó từng địa phương đã cụ thể hóa thành các chương trình cụ thể nên đã thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo, nhất là việc hỗ trợ cho các hộ nghèo về nhà ở đạt tỷ lệ cao.

+ Các chính sách hỗ trợ về nguồn vốn tín dụng, cho vay ưu đãi của Ngân hàng chính sách xã hội đã tạo điều kiện cho hộ nghèo có điều kiện phát triển sản xuất, chăn nuôi, tăng thu nhập, cải thiện nhà ở hoặc cho các hộ nghèo vay vốn để xây dựng sửa chữa nhà ở tạm bợ, dột nát cũng góp phần đáng kể trong thực hiện chương trình giảm nghèo các năm qua.

### *b) Về các hạn chế, tồn tại:*

- Một bộ phận không nhỏ các hộ nghèo vẫn còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa tự chủ động vươn lên thoát nghèo.

- Thu nhập bình quân đầu người thấp, việc làm không ổn định, biến động giá cả, điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu không thuận lợi, thiên tai cộng với bệnh dịch

xuất hiện thường xuyên ảnh hưởng đến đời sống cũng như sản xuất của nhân dân nên dẫn đến nguy cơ tái nghèo cao.

- Trong thời gian qua, mặc dù địa phương đã huy động nhiều nguồn lực để tổ chức xây dựng nhà đại đoàn kết, hỗ trợ kinh phí cho các hộ nghèo cải tạo sửa chữa nhà ở hư hỏng, tạm bợ, dột nát, nhưng tỷ lệ nhà ở được xây dựng cho các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn chưa đáp ứng được nhu cầu, do thực tế còn thiếu về cơ chế, chính sách riêng cho việc tập trung hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo đang khó khăn, không đủ nguồn lực để cải thiện nhà ở cho hộ nghèo.

- Đối với mức hỗ trợ về nhà ở, thời gian qua, mỗi hộ nghèo khó khăn về nhà ở được hỗ trợ từ 3-5 triệu đồng/hộ (giai đoạn 2000-2005) và từ 7-10 triệu đồng/hộ (giai đoạn 2006-2008) để cải thiện nhà ở. Với mức hỗ trợ nêu trên, trước tình hình biến động về giá cả thị trường trong các năm gần đây, số tiền được hỗ trợ không đủ xây dựng, sửa chữa nhà ở. Từ đó các hộ nghèo gặp rất nhiều khó khăn, nên phải xây dựng sửa chữa nhà bằng vật liệu tạm, dẫn đến chất lượng nhà ở kém, không đảm bảo cho việc sử dụng lâu dài.

#### **4. Tình hình và kết quả triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở trên địa bàn tỉnh:**

##### *a) Về triển khai thực hiện các chính sách:*

Thực hiện chương trình giảm nghèo, UBND tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo Chương trình giảm nghèo và giao cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực phối hợp với các ngành các cấp xây dựng kế hoạch giảm nghèo từng năm, trong đó có chỉ tiêu về xây dựng nhà đại đoàn kết và sửa chữa nhà ở cho các hộ nghèo đang khó khăn về nhà ở, cho các hộ gia đình có công với cách mạng, hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số nên trong các năm qua đã kịp thời hỗ trợ về nhà ở cho các hộ nghèo đạt hiệu quả.

##### *b) Kết quả hỗ trợ:*

- Tổng số vốn huy động được: 138,969 tỷ đồng, trong đó;
- + Vốn ngân sách trung ương: 52,728 tỷ đồng;
- + Vốn ngân sách địa phương: 27,464 tỷ đồng;
- + Vốn vay tín dụng: 0,00 tỷ đồng;
- + Vốn huy động khác: 58,777 tỷ đồng.
- Số lượng nhà ở đã hỗ trợ: 19.111 căn nhà (gồm nhà xây mới và nhà sửa chữa).
- Về chất lượng nhà ở: quy mô nhà tạm, cấu trúc trụ gỗ vách tạm hoặc xây gạch, mái lợp ngói hoặc tôn, nền xi măng hay gạch hoa.

#### **5. Nhận xét, đánh giá chung về thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở:**

##### *a) Về ưu điểm:*

- Có sự quan tâm chỉ đạo tập trung của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, đã kịp thời ban hành các văn bản trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo, cải thiện về nhà ở cho người nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh.

- Các cấp, các ngành và địa phương đã xác định giảm nghèo, xây dựng nhà ở cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở (nhất là ở khu vực nông thôn) là nhiệm vụ trọng tâm, là chương trình mục tiêu để giải quyết các chính sách xã hội. Từ đó, đã xây dựng chương trình, kế hoạch, giải pháp thực hiện sát thực phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Có sự đồng thuận quan tâm chia sẻ, thể hiện lòng nhân ái, tương thân tương trợ trong cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước đóng góp để hỗ trợ cho người nghèo cải thiện nhà ở, từ đó số lượng nhà đại đoàn kết xây dựng hàng năm tăng lên nhiều.

*b) Về các hạn chế, tồn tại:*

\* Hạn chế tồn tại:

- Trong thời gian qua, nguồn quỹ thực hiện chính sách hỗ trợ cho các hộ nghèo về nhà ở một phần là từ ngân sách Nhà nước, phần lớn là thông qua vận động trong cộng đồng, nhà hảo tâm, các doanh nghiệp nên còn hạn chế chưa chủ động được, từ đó ảnh hưởng đến kế hoạch xây dựng nhà đại đoàn kết nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu giải quyết chính sách cho các hộ nghèo có khó khăn về nhà ở.

- Số lượng hộ nghèo cần hỗ trợ về nhà ở trong tỉnh còn khá nhiều, có phát sinh thêm hộ mới. Nguyên nhân do ảnh hưởng của thiên tai, tình hình giá cả thị trường thường xuyên biến động, trình độ dân trí còn thấp, tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn ra thường xuyên làm cho nhiều hộ dân ở vùng nông thôn đời sống trở nên khó khăn, có không ít trường hợp thoát nghèo đã tái nghèo trở lại.

### **III. ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH HUY ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỰC CỦA ĐỊA PHƯƠNG TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỘ NGHÈO VỀ NHÀ Ở:**

1. Về mô hình huy động nguồn lực;

2. Về quản lý nguồn lực của địa phương trong quá trình thực hiện hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở;

3. Về thực hiện việc quản lý sử dụng, cấp phát, thanh toán nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương và vốn vay tín dụng ưu đãi cũng như các nguồn vốn huy động khác;

4. Về cách thức hỗ trợ (người dân tự làm hoặc do các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng sau đó bàn giao cho hộ dân, giao tiền hỗ trợ trực tiếp cho hộ dân hoặc chính quyền địa phương tổ chức cung ứng vật liệu cho hộ dân để làm nhà...);

5. Đánh giá chung về mô hình huy động và quản lý nguồn lực của địa phương trong quá trình thực hiện việc hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

### **IV. MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA ĐỀ ÁN:**

Đề án hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo khó khăn về nhà ở trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết và kịp thời, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

### **1. Quan điểm hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở:**

- Hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo khó khăn về nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ là một trong những chính sách quan trọng trong chương trình giảm nghèo, không những giúp cho các đối tượng nghèo khó khăn về nhà ở trong tỉnh tạo lập được một căn nhà ở hoặc sửa chữa, cải tạo lại nhà ở tạm bợ, hư hỏng, dột nát nhằm cải thiện điều kiện sống để phát triển sản xuất vươn lên thoát nghèo, đảm bảo thực hiện giảm nghèo một cách bền vững, mà còn thể hiện tính nhân văn sâu sắc của Đảng và Nhà nước ta và đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Các cấp chính quyền và tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị cũng như toàn xã hội phải có trách nhiệm tham gia vào việc thực hiện chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở.

- Tổ chức tốt việc rà soát, bình xét dân chủ, sát thực từ địa phương, đảm bảo đúng đối tượng và sự công bằng trong từng địa bàn dân cư.

### **2. Mục tiêu, nguyên tắc hỗ trợ:**

- Hỗ trợ trực tiếp đến hộ gia đình để xây dựng nhà ở theo đối tượng quy định.  
- Bảo đảm công khai, công bằng và minh bạch đến từng hộ gia đình trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước;

### **3. Yêu cầu về diện tích và chất lượng nhà ở xây dựng mới:**

Để đảm bảo thực hiện chương trình giảm nghèo một cách bền vững, yếu tố quan trọng đầu tiên là phải tạo điều kiện cho các hộ nghèo khó khăn về nhà ở có chỗ ở ổn định lâu dài. Do đó, nhà ở cho các hộ nghèo phải được thiết kế xây dựng phù hợp, giá thành hợp lý, đảm bảo chất lượng và thời gian sử dụng từ **10 năm** trở lên, diện tích sử dụng mỗi căn nhà tối thiểu là **24 m<sup>2</sup>**.

### **4. Mức hỗ trợ, mức vay để làm nhà ở:**

#### *a) Mức hỗ trợ:*

- Ngân sách trung ương hỗ trợ **06 triệu đồng/hộ**. Riêng đối với những hộ dân thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở đang cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn thì ngân sách trung ương hỗ trợ **07 triệu đồng/hộ**.

- Ngân sách trung ương hỗ trợ bổ sung phần vốn đối ứng 10% (tỉnh Quảng Ngãi là địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương dưới 50% dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2008);

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm ngoài phần ngân sách Trung ương hỗ trợ (đối ứng) là 10% và huy động thêm từ cộng đồng.



b) *Mức vay và phương thức cho vay:*

b.1. *Mức vay:*

Hộ dân có nhu cầu, được vay tín dụng từ Ngân hàng Chính sách Xã hội để làm nhà ở. Mức vay tối đa **08 triệu** đồng/hộ, lãi suất vay **3%/năm**. Thời hạn vay là 10 năm, trong đó thời gian ân hạn là 5 năm. Thời gian trả nợ là 5 năm, mức trả nợ mỗi năm tối thiểu là 20% tổng số vốn đã vay.

b.2. *Phương thức cho vay:*

Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện phương thức uỷ thác cho vay từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội hoặc trực tiếp cho vay. Đối với phương thức cho vay uỷ thác qua các tổ chức chính trị - xã hội, việc quản lý vốn bằng tiền, ghi chép kế toán và tổ chức giải ngân đến người vay do Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện.

## **5. Đối tượng được hỗ trợ nhà ở:**

a) *Đối tượng:*

Đối tượng được hỗ trợ về nhà ở theo quy định của Quyết định này phải có đủ ba điều kiện sau:

- Là hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006 - 2010), đang cư trú tại địa phương, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành;

- Hộ chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở;

- Hộ không thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn và theo các chính sách hỗ trợ nhà ở khác.

b) *Xếp loại thứ tự ưu tiên hỗ trợ:*

Thực hiện ưu tiên hỗ trợ trước cho các đối tượng theo thứ tự sau đây:

- Hộ gia đình có công với cách mạng.
- Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số.
- Hộ gia đình trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai.
- Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...).
- Hộ gia đình đang sinh sống trong vùng đặc biệt khó khăn.
- Các hộ gia đình còn lại.

## **6. Phạm vi áp dụng:**

Việc hỗ trợ cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở theo đề án này chỉ áp dụng cho các xã thuộc khu vực nông thôn.

## **7. Xác định số lượng hộ nghèo cần hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn tỉnh:**

a) Tổng số hộ nghèo của tỉnh (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2006 - 2010) đến cuối năm 2008: **60.836 hộ**;

b) Tổng số hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ về nhà ở tại khu vực nông thôn (tính đến thời điểm Quyết định 167 có hiệu lực thi hành): **12.744 hộ**;

Xác định cụ thể theo từng loại sau:

- Tổng số hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ về nhà ở là đồng bào dân tộc thiểu số: **9.594 hộ**;

- Tổng số hộ thuộc diện đối tượng hỗ trợ về nhà ở là người Kinh: **3.195 hộ**;

c) Tổng số hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ về nhà ở đang cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 của Thủ tướng chính phủ: **9.480 hộ**;

Trong đó: + Hộ là đồng bào dân tộc thiểu số: **8.889 hộ**;

+ Hộ là người Kinh: **591 hộ**.

### **8. Phân loại đối tượng ưu tiên:**

- Hộ gia đình có công với cách mạng: **515 hộ** (trong đó vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định 30: 279 hộ);

- Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số: **9.549 hộ** (trong đó vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định 30: 8.889 hộ);

- Hộ gia đình trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai: **550 hộ**;

- Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn: **1.790 hộ**;

- Hộ gia đình đang sinh sống trong vùng đặc biệt khó khăn: **9.480 hộ**;

- Các hộ gia đình còn lại: **28 hộ**.

### **9. Nguồn vốn thực hiện:**

Theo quy định tại Quyết định 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

### **10. Xác định tổng số vốn thực hiện và phân khai nguồn vốn thực hiện:**

Tổng số vốn cần có để thực hiện:

12.744 hộ x 24 triệu/hộ = **305.856 triệu đồng**; trong đó:

a) *Vốn ngân sách trung ương:*

(9.480 x 7,7 triệu/hộ + 3.264 x 6,6 triệu/hộ) = **94.538,4 triệu đồng**.

Trong đó:

+ Ngân sách trung ương hỗ trợ hộ dân thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg hỗ trợ 07 triệu đồng/hộ và 06 triệu đồng/hộ thuộc vùng còn lại.

+ Ngân sách trung ương hỗ trợ bổ sung phần vốn đối ứng 10% là: 0,7 triệu đồng/hộ thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg và 0,6 triệu đồng/hộ thuộc vùng còn lại.

b) *Vốn ngân sách địa phương:*

$(9.480 \times 0,7 \text{ triệu/hộ} + 3.264 \times 0,6 \text{ triệu/hộ}) = \mathbf{8.594,4 \text{ triệu đồng.}}$

c) *Vốn vay tín dụng ưu đãi:*  $12.744 \times 08 \text{ triệu/hộ} = 101,952 \text{ tỷ đồng};$

d) *Dự kiến vốn huy động Quỹ Vì người nghèo do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam vận động từ các doanh nghiệp (trong đó có 65 tỷ đồng của Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ):*  $12.744 \times 07 \text{ triệu/hộ} = 89,208 \text{ tỷ đồng};$

e) *Dự kiến vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ:*  $9.480 \times 0,6 \text{ triệu/hộ} + 3.264 \times 1,8 \text{ triệu/hộ} = 11.563,2 \text{ triệu đồng};$

g) *Vốn quy đổi từ việc khai thác gỗ để hỗ trợ làm nhà ở sẽ được cụ thể hoá trong quá trình triển khai thực hiện.*

### **11. Cách thức thực hiện:**

a) *Bình xét và phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở:* Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 340/BXD-QLN ngày 10/3/2009 về việc hướng dẫn bổ sung việc xây dựng Đề án hỗ trợ nghèo về nhà ở để thực hiện Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) *Cấp vốn làm nhà ở:* Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT-BXD-BTC-BKHĐT-BNNPTNT-NHNN hướng dẫn thực hiện Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

c) *Thực hiện xây dựng nhà ở:* Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT-BXD-BTC-BKHĐT-BNNPTNT-NHNN hướng dẫn thực hiện Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở;

### **12. Tiến độ thực hiện nhà ở:**

- Năm 2009: Hoàn thành các công tác chuẩn bị và thực hiện hỗ trợ nhà ở cho: **10.376 hộ** đối tượng ưu tiên 1, 2 và 5 trong Phụ lục kèm theo.

- Năm 2010: Thực hiện hỗ trợ nhà ở cho: **2.340 hộ** (thuộc diện ưu tiên 3 và 4) và **28 hộ** thuộc các đối tượng còn lại.

(Trong đó ưu tiên hỗ trợ trước cho các đối tượng chưa có nhà ở).

### **13. Tiến độ huy động vốn hàng năm:**

a. *Năm 2009:*

**Tổng số vốn cần để thực hiện: 233,184 tỷ đồng.**

- Vốn ngân sách trung ương: 74,553 tỷ đồng;

- Vốn ngân sách địa phương: 6,778 tỷ đồng;
- Vốn vay tín dụng ưu đãi: 77,728 tỷ đồng;
- Vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP (theo sự phân công của Chính phủ): 65 tỷ đồng;
- Vốn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh huy động: 3,012 tỷ đồng;
- Vốn huy động khác (cộng đồng, dòng họ đóng góp): 6,113 tỷ đồng.

Trong đó:

*a.1) Hộ có công với cách mạng:*

Tổng số vốn cần để thực hiện:  $236 \times 24$  triệu/hộ = 5,664 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách trung ương:  $236 \times 6,6$  triệu/hộ = 1,557 tỷ đồng;
- Vốn ngân sách địa phương:  $236 \times 0,6$  triệu/hộ = 0,142 tỷ đồng;
- Vốn vay tín dụng ưu đãi:  $236 \times 08$  triệu/hộ = 1,888 tỷ đồng;
- Vốn UBMTTQ huy động:  $236 \times 07$  triệu/hộ = 1,652 tỷ đồng;
- Vốn huy động khác (cộng đồng, dòng họ đóng góp):

$$236 \times 1,8 \text{ triệu/hộ} = 0,425 \text{ tỷ đồng.}$$

*a.2) Hộ gia đình là dân tộc thiểu số và hộ gia đình đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn:*

Tổng số vốn có để thực hiện:  $9.480 \times 24$  triệu/hộ = 227,520 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách trung ương:  $9.480 \times 7,7$  triệu/hộ = 72,996 tỷ đồng;
- Vốn ngân sách địa phương:  $9.480 \times 0,7$  triệu/hộ = 6,636 tỷ đồng;
- Vốn vay tín dụng ưu đãi:  $9.480 \times 08$  triệu/hộ = 75,840 tỷ đồng;
- Vốn huy động:  $9.480 \times 07$  triệu/hộ = 66,360 tỷ đồng;

Trong đó: + Vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP (theo sự phân công của Chính phủ): 65 tỷ đồng;

+ Vốn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh huy động: 1,36 tỷ đồng;

- Vốn huy động khác (cộng đồng, dòng họ đóng góp):

$$9.480 \times 0,6 \text{ triệu/hộ} = 5,688 \text{ tỷ đồng.}$$

***b) Năm 2010:***

Tổng số vốn cần để thực hiện:  $3.028 \times 24$  triệu/hộ = **72,672 tỷ đồng.**

- Vốn ngân sách trung ương:  $3.028 \times 6,6$  triệu/hộ = 19,9848 tỷ đồng;
- Vốn ngân sách địa phương:  $3.028 \times 0,6$  triệu/hộ = 1,8168 tỷ đồng;
- Vốn vay tín dụng ưu đãi:  $3.028 \times 08$  triệu/hộ = 24,2440 tỷ đồng;
- Vốn UBMTTQ huy động:  $3.028 \times 07$  triệu/hộ = 21,1960 tỷ đồng;
- Vốn huy động khác (cộng đồng, dòng họ đóng góp):

3.028 x 1,8 triệu/hộ = 5,4504 tỷ đồng.

#### **14. Tổ chức thực hiện:**

##### ***a) Sở Xây dựng:***

- Giao Sở Xây dựng phối hợp với Sở Lao động Thương binh và xã hội, Ban Dân tộc, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lập thiết kế nhà phù hợp và giới thiệu rộng rãi để nhân dân lựa chọn.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra các địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo đúng mục tiêu và yêu cầu; tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

- Lập dự toán chi phí hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở cho cả Chương trình và hàng năm gửi Sở Tài chính để cân đối, bố trí kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo.

##### ***b) Sở Kế hoạch và Đầu tư:***

Căn cứ Đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở đã được Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch và bố trí vốn có mục tiêu cho các địa phương trong kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2009 và các năm tiếp theo báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

##### ***c) Sở Tài chính:***

- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn từ ngân sách trung ương hỗ trợ cho các hộ thuộc diện đối tượng theo quy định, đồng thời bố trí kinh phí phục vụ hoạt động cho Ban chỉ đạo.

- Hướng dẫn các địa phương công tác lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ.

##### ***d) Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi:***

Sau khi Đề án đã được phê duyệt, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện cho vay vốn ưu đãi đối với các hộ xin vay vốn để cải thiện nhà ở.

##### ***e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:***

- Tham mưu cho UBND tỉnh quy định việc khai thác gỗ theo quy định để hỗ trợ hộ nghèo làm nhà ở đối với các địa phương có rừng, có quy hoạch, kế hoạch khai thác gỗ hàng năm được duyệt.

##### ***f) UBND các huyện có trách nhiệm:***

- Trên cơ sở danh sách hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg đã lập và phê duyệt và mức kinh phí do tỉnh phân bổ (khi được Chính phủ và các Bộ, ngành bố trí kinh phí), tổ chức triển khai cấp tiền để hộ nghèo làm nhà theo quy định.

- Chỉ đạo hệ thống chính trị cấp huyện và xã vận động công đồng dân cư giúp công lao động và kinh phí cho hộ nghèo làm nhà ở.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban Giảm nghèo cấp xã hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các hộ dân xây dựng nhà ở đảm bảo yêu cầu về diện tích và chất lượng nhà ở theo quy định và vận động các hộ dân tự xây dựng nhà ở. Đối với hộ dân có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...) không thể tự xây dựng nhà ở thì Ban Giảm nghèo cấp xã tổ chức xây dựng nhà ở cho các đối tượng này.

Hình thành các *Đội công tác hỗ trợ xây dựng nhà ở thôn* (dưới sự chỉ đạo của UBND cấp xã) tổ chức xây dựng nhà ở cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật) không có khả năng tự xây dựng nhà ở.

- Chỉ đạo UBND cấp xã giám sát để các hộ gia đình sử dụng tiền hỗ trợ, tiền vay làm nhà ở đúng mục đích, đảm bảo các căn nhà phải được xây dựng hoàn chỉnh để đưa vào sử dụng; không được để thất thoát ngân sách nhà nước, cấp kinh phí sai đối tượng.

## **V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:**

### **1. Kết luận:**

Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo có khó khăn về nhà ở theo quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ được ban hành trong giai đoạn hiện nay là rất phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giải quyết tốt chính sách xã hội về xóa đói giảm nghèo đối với khu vực nông thôn, góp phần ổn định chỗ ở và cuộc sống của người dân và là cơ sở để chính quyền địa phương, Ban giảm nghèo các cấp, các cơ quan đơn vị có liên quan triển khai thực hiện thống nhất trong tỉnh.

### **2. Kiến nghị:**

Một số hộ dân đã được hỗ trợ về nhà ở tại các chương trình giảm nghèo khác trên địa bàn tỉnh nhưng do số tiền hỗ trợ quá thấp cộng với bản thân các hộ này quá nghèo nên không có kinh phí để góp thêm nhằm sửa chữa nhà ở dẫn đến chất lượng nhà ở không tốt. Đề nghị xin được đưa thêm số hộ này vào diện đối tượng được hỗ trợ theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Hué**

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ HỘ THUỘC DIỆN ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở  
THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 167/2008/QĐ-TTg**

(Kèm theo Quyết định số: 1037/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Hộ gia đình

S T T	Đơn vị hành chính	Số hộ nghèo của tỉnh (TP) theo chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010		Số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định 167/TTg			Phân loại đối tượng ưu tiên						Hộ có nhu cầu vay vốn để làm nhà
		Tổng số	Trong đó: Số hộ nghèo tại khu vực nông thôn	Tổng số	Trong đó:		Hộ gia đình có công với cách mạng	Hộ gia đình là dân tộc thiểu số	Hộ gia đình trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình còn lại	
					Số hộ là đồng bào dân tộc thiểu số	Số hộ là người Kinh							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Huyện Đức Phổ	6,370	6,190	142		142			71	71			142
2	Huyện Mộ Đức	8,007	7,662	522		522	229		115	178			522
3	Huyện Tư Nghĩa			696		696				685	11		696
4	Huyện Sơn Tịnh			90		90			90				90
5	Huyện Bình Sơn	9,224	8,891	540		540				534	6		540

6	Huyện Lý Sơn	1,399	1,399	67		67	7		53		7		67
7	Huyện Nghĩa Hành	4,100	3,796	364	15	349			184	81	71	28	364
8	Huyện Ba Tơ	7,051	6,664	2,190	2,133	57				173	2,017		2,190
9	Huyện Minh Long	3,461	3,461	1,013	821	192					1,013		1,013
10	Huyện Sơn Hà	8,153	8,153	3,248	2,997	251					3,248		3,248
11	Huyện Trà Bồng	3,836	3,176	644	360	284			37	64	543		644
12	Huyện Tây Trà	3,271	3,271	961	960	1					961		961
13	Huyện Sơn Tây	2,347	2,347	2,267	2,263	4		660		4	1,603		2,267
	<b>Tổng cộng</b>	<b>57,219</b>	<b>55,010</b>	<b>12,744</b>	<b>9,549</b>	<b>3,195</b>	<b>236</b>	<b>660</b>	<b>550</b>	<b>1,790</b>	<b>9,480</b>	<b>28</b>	<b>12,744</b>

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Huế**



**BẢNG TỔNG HỢP SỐ HỘ THUỘC DIỆN ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở  
THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 167/2008/QĐ-TTg**

Đơn vị tính: Hộ gia đình

TT	Đơn vị hành chính	Số hộ nghèo của tỉnh (TP) theo chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010		Số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định 167/TTg			Phân loại đối tượng ưu tiên						Hộ có nhu cầu vay vốn để làm nhà
		Tổng số	Trong đó: Số hộ nghèo tại khu vực nông thôn	Tổng số	Trong đó:		Hộ gia đình có công với cách mạng	Hộ gia đình là dân tộc thiểu số	Hộ gia đình trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình còn lại	
					Số hộ là đồng bào dân tộc thiểu số	Số hộ là người Kinh							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Huyện Đức Phổ	6,370	6,190	142		142			71		71	71	
2	Huyện Mộ Đức	8,007	7,662	8,007		8,007	229		115		178		522
3	Huyện Tư Nghĩa			696		696				696			696
4	Huyện Sơn Tịnh			90		90				36	54		90
5	Huyện Bình Sơn	9,224	8,891	540		540			488		52		540
6	Huyện Lý Sơn	1,399	1,399	67		67	14		67		67		
7	Huyện Nghĩa Hành	4,100	3,796	364	15	349	11	15	184	14	112	28	364

8	Huyện Ba Tư	7,051	6,664	2,190	2,133	57				1,506			
9	Huyện Minh Long	3,461	3,461	1,013	821	192	74	747		192			
10	Huyện Sơn Hà	8,153	8,153	3,248	2,997	251	62	2,970		20		196	
11	Huyện Trà Bồng	3,836	3,176	644	360	284	9	286	37	117	46	149	
12	Huyện Tây Trà	3,271	3,271	961	960	1	69	960	48		961	1	961
13	Huyện Sơn Tây	2,347	2,347	2,267	2,263	4	47	2,263		2,267	2,267	4	1,066
	<b>Tổng cộng</b>	<b>57,219</b>	<b>55,010</b>	<b>20,229</b>	<b>9,549</b>	<b>10,680</b>	<b>515</b>	<b>7,241</b>	<b>522</b>	<b>5,336</b>	<b>3,808</b>	<b>449</b>	<b>4,239</b>

**Ghi chú:** Bảng tổng hợp này là số liệu thực báo cáo từ các huyện gửi về Sở Xây dựng.

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ HỘ THUỘC DIỆN ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở  
THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 167/2008/QĐ-TTg**

(Kèm theo Quyết định số: 1037/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Hộ gia đình

TT	Đơn vị hành chính	Số hộ nghèo của tỉnh (TP) theo chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010		Số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định 167/TTg			Phân loại đối tượng ưu tiên						Hộ có nhu cầu vay vốn để làm nhà
		Tổng số	Trong đó: Số hộ nghèo tại khu vực nông thôn	Tổng số	Trong đó:		Hộ gia đình có công với cách mạng	Hộ gia đình là dân tộc thiểu số	Hộ gia đình trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình còn lại	
					Số hộ là đồng bào dân tộc thiểu số	Số hộ là người Kinh							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<b>1</b>	<b>Huyện Đức Phổ</b>	<b>6,370</b>	<b>6,190</b>	<b>142</b>		<b>142</b>			<b>71</b>		<b>71</b>	<b>71</b>	
	Xã Phổ Châu	386	386	11		11			11		11		
	Xã Phổ Thạnh	834	834	31		31			31		31		
	Xã Phổ Khánh	511	511	12		12			12		12		
	Xã Phổ Cường	360	360	9		9						9	
	Xã Phổ Hoà	329	329	2		2						2	
	Xã Phổ Vinh	483	483	3		3			3		3		

	Xã Phồ Minh	231	231	11		11					11	
	Xã Phồ Ninh	454	454	5		5					5	
	Xã Phồ Nhơn	329	329	5		5					5	
	Xã Phồ Phong	385	385	1		1					1	
	Xã Phồ Thuận	427	427	9		9					9	
	Xã Phồ Văn	317	317	29		29					29	
	Xã Phồ An	632	632	8		8		8		8		
	Xã Phồ Quang	512	512	6		6		6		6		
	Thị trấn	180										
<b>2</b>	<b>Huyện Mộ Đức</b>	<b>8,007</b>	<b>7,662</b>			<b>8,007</b>	<b>229</b>		<b>115</b>		<b>178</b>	<b>522</b>
	Đức Phú	424	424			424	4		4		6	14
	Thị trấn Mộ Đức	345				345	6		3		3	12
	Đức Hiệp	364	364			364	11		9		14	34
	Đức Hoà	549	549			549	20		3		5	28
	Đức Lân	631	631			631	12		5		10	27
	Đức Minh	538	538			538	14		6		8	28
	Đức Nhuận	667	667			667	14		16		24	54
	Đức Chánh	1,218	1,218			1,218	23		25		40	88
	Đức Thạnh	496	496			496	28		7		11	46
	Đức Tân	378	378			378	12		3		5	20
	Đức Thắng	525	525			525	15		11		17	43
	Đức Lợi	559	559			559	12		13		20	45
	Đức Phong	1,313	1,313			1,313	58		10		15	83
<b>3</b>	<b>Huyện Tư Nghĩa</b>									<b>696</b>		
	Nghĩa Lâm									32		
	Nghĩa Thọ									8		
	Nghĩa Sơn									3		
	Nghĩa Thắng									75		
	Nghĩa Thuận									40		

	Nghĩa Kỳ									88		
	Nghĩa Điền									9		
	Nghĩa Trung									13		
	Nghĩa Phương									14		
	Nghĩa Mỹ									31		
	Nghĩa Hiệp									98		
	Nghĩa Thương									69		
	Nghĩa Hà									75		
	Nghĩa Hoà									35		
	Nghĩa Phú									2		
	Nghĩa An									104		
<b>4</b>	<b>Huyện Sơn Tịnh</b>			<b>90</b>		<b>90</b>				<b>36</b>	<b>54</b>	<b>90</b>
	Tịnh Đông			11		11					11	11
	Tịnh Minh			2		2				2		2
	Tịnh Bắc			2		2				2		2
	Tịnh Hiệp			38		38					38	38
	Tịnh Trà			8		8				8		8
	Tịnh Bình			5		5				5		5
	Tịnh Sơn			3		3				3		3
	Tịnh Hà			2		2				2		2
	Tịnh Phong			5		5				5		5
	Tịnh Thọ			6		6				6		6
	Tịnh Thiện			3		3				3		3
	Tịnh Kỳ			2		2					2	2
	Tịnh Hoà			3		3					3	3
<b>5</b>	<b>Huyện Bình Sơn</b>	<b>9,224</b>	<b>8,891</b>	<b>540</b>		<b>540</b>				<b>488</b>	<b>52</b>	<b>540</b>
	Bình An	218	218	6		6					6	6
	Bình Chánh	570	570	70		70				70		70
	Bình Châu	934	934	21		21					21	21

	Bình Chương	325	325	47		47				47		47	
	Bình Dương	297	297	6		6				6		6	
	Bình Đông	507	507	56		56				56		56	
	Bình Hải	716	716										
	Bình Hoà	276	276	11		11				11		11	
	Bình Hiệp	230	230	27		27				27		27	
	Bình Khương	223	223	33		33				33		33	
	Bình Long	326	326										
	Bình Minh	429	429	78		78				78		78	
	Bình Mỹ	238	238	21		21				21		21	
	Bình Nguyên	524	524	28		28				28		28	
	Bình Phú	212	212										
	Bình Phước	271	271	25		25				25		25	
	Bình Tân	186	186	23		23				23		23	
	Bình Thanh Đông	119	119	7		7				7		7	
	Bình Thanh Tây	228	228	24		24				24		24	
	Bình Thạnh	818	818	25		25				25		25	
	Bình Thuận	318	318										
	Bình Thới	146	146	3		3				3		3	
	Bình Trị	395	395	4		4				4		4	
	Bình Trung	385	385	25		25				25		25	
	Thị Trấn Châu Ô	333											
<b>6</b>	<b>Huyện Lý Sơn</b>			<b>60</b>		<b>60</b>							
	Xã An Bình			7		7							
	Xã An Vĩnh			43		43							
	Xã An Hải			10		10							
<b>7</b>	<b>Huyện Nghĩa Hành</b>	<b>4,100</b>	<b>3,796</b>	<b>364</b>	<b>15</b>	<b>349</b>	<b>11</b>	<b>15</b>	<b>184</b>	<b>14</b>	<b>112</b>	<b>28</b>	<b>364</b>
	Hành Tín Tây							5	41		41		41

	Hành Tín Đông							10	30		30		30
	Hành Thiện								51		13		51
	Hành Thịnh								29	4		2	29
	Hành Phước								33	3		1	
	Hành Đức						1			1		2	13
	Hành Trung									2		2	20
	Hành Minh								2			5	34
	Hành Thuận						5		2			1	28
	Hành Nhân						5			1			38
	Hành Dũng										41		41
	Thị trấn Chợ chùa												6
<b>8</b>	<b>Huyện Ba Tơ</b>	<b>7,051</b>	<b>6,664</b>	<b>2,190</b>	<b>2,133</b>	<b>57</b>				<b>1,506</b>			
	Ba Cung	210	210	26	26								
	Ba Động	238	238	24		24							
	TT Ba Tơ	387		49	45	4							
	Ba Vinh	563	563	180	180					95			
	Ba Liên	86	86	5	5								
	Ba Nam	107	107	21	21					21			
	Ba Vì	545	545	83	79	4				25			
	Ba Ngạc	360	360	129	129					129			
	Ba Trang	276	276	83	83					83			
	Ba Tô	824	824	320	320					121			
	Ba Thành	389	389	63	63					26			
	Ba Tiêu	349	349	47	42	5							
	Ba Chùa	140	140	68	68								

	Ba Điền	199	199	61	60	1				19		
	Ba Đình	481	481	164	145	19				145		
	Ba Xá	823	823	495	495					495		
	Ba Bích	301	301	40	40					15		
	Ba Khâm	251	251	154	154					154		
	Ba Lễ	286	286	54	54					54		
	Ba Giang	236	236	124	124					124		
<b>9</b>	<b>Huyện Minh Long</b>	<b>3,461</b>	<b>3,461</b>	<b>1,013</b>	<b>821</b>	<b>192</b>	<b>74</b>	<b>747</b>		<b>192</b>		
	Long Sơn	902	902	301	200	101	8	192		101		
	Long Mai	741	741	226	209	17	2	207		17		
	Long Hiệp	869	869	159	94	65	1	93		65		
	Thanh An	693	693	215	206	9	9	197		9		
	Long Môn	256	256	112	112		54	58				
<b>10</b>	<b>Huyện Sơn Hà</b>	<b>8,153</b>	<b>8,153</b>	<b>3,248</b>	<b>2,997</b>	<b>251</b>	<b>62</b>	<b>2,970</b>		<b>20</b>	<b>2,228</b>	<b>196</b>
	Xã Sơn Hải	323	323	133	133		2	129		2	133	
	Xã Sơn Thủy	478	478	284	266	18	11	256			284	17
	Xã Sơn Kỳ	622	622	401	386	15	13	375			401	13
	Xã Sơn Ba	472	472	230	230		15	207		7	230	1
	Xã Sơn Hạ	1,029	1,029	345	292	53	1	309				35
	Xã Sơn Thành	859	859	441	430	11	7	431				3
	Xã Sơn Nham	576	576	141	129	12		126			141	15
	Di Lăng	896	896	232	181	51	5	184		5		38
	Xã Sơn Thượng	446	446	159	159			158			159	1
	Xã Sơn Bao	386	386	75	74	1		73			75	2
	Xã Sơn Trung	352	352	148	127	21	3	135		6	148	4
	Xã Sơn Cao	608	608	206	197	9	3	192			206	11



	Xã Sơn Linh	548	548	218	199	19		198			218	20	
	Xã Sơn Giang	558	558	235	194	41	2	197			233	36	
<b>11</b>	<b>Huyện Trà Bồng</b>	<b>3,836</b>	<b>3,176</b>	<b>644</b>	<b>360</b>	<b>284</b>	<b>9</b>	<b>286</b>	<b>37</b>	<b>117</b>	<b>12</b>	<b>137</b>	
	TT Trà Xuân	660		101		101	1			45	2	51	
	Xã Trà Phú	510	510	120		120	1		8	12	9	84	
	Xã Trà Bình	451	451	52		52	2			50			
	Xã Trà Sơn	756	756	98	93	5	4	84	8	2			
	Xã Trà Thủy	379	379	72	72			72			1		
	Xã Trà Giang	70	70	15	15			14					
	Xã Trà Lâm	237	237	36	32	4		8		1		2	
	Xã Trà Hiệp	291	291	28	28		1	27					
	Xã Trà Tân	286	286	67	65	2		26	21	7			
	Xã Trà Bùi	196	196	55	55			55					
<b>12</b>	<b>Huyện Tây Trà</b>	<b>3,271</b>	<b>3,271</b>	<b>3,268</b>	<b>960</b>	<b>1</b>	<b>69</b>	<b>960</b>	<b>48</b>		<b>961</b>	<b>1</b>	<b>961</b>
	Trà Phong	598	598	598	188		3	188	7		188		188
	Trà Quân	316	316	314	163	1	1	163	6		164	1	164
	Trà Khê	332	332	332	75		3	75			75		75
	Trà Thọ	412	412	412	97			97			97		97
	Trà Xinh	369	369	369	56		8	56			56		56
	Trà Lãnh	387	387	387	78			78			78		78
	Trà Nham	347	347	346	112		19	112			112		112
	Trà Trung	181	181	181	46		1	46	1		46		46
	Trà Thanh	329	329	329	145		34	145	34		145		145
<b>13</b>	<b>Huyện Sơn Tây</b>	<b>2,347</b>	<b>2,347</b>	<b>688</b>	<b>684</b>	<b>4</b>		<b>684</b>		<b>688</b>	<b>688</b>	<b>4</b>	<b>688</b>
	Sơn Dung	396	396	167	167			167		167	167		167
	Sơn Long	295	295	94	94			94		94	94		94
	Sơn Mùa	302	302	69	69			69		69	69		69
	Sơn Liên	183	183	101	101			101		101	101		101
	Sơn Bua	188	188	35	35			35		35	35		35

Son Tân	329	329	60	60			60		60	60		60
Son Màu	210	210	25	25			25		25	25		25
Son Tinh	342	342	108	104	4		104		108	108	4	108
Son lập	102	102	29	29			29		29	29		29
<b>Tổng cộng</b>												

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Hué**